

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày: 25/02/2025

Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Môn

2. Ông Danh Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 10/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐ-TA ngày 07/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hộ kinh doanh T. Người đại diện bà Bùi Thúy D, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L bà Huỳnh Thị Q; cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2024; các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn do bà D trình bày:

Vợ chồng ông L, bà Q có ký hợp đồng về mua bán thức ăn nuôi tôm, thuộc thủy sản của H kinh doanh Tân Quang M sử dụng. Tính đến nay vợ chồng ông L, bà Q còn nợ số tiền nợ gốc tính đến ngày 06/9/2019 là 81.514.000 đồng và tiền lãi

chậm trả 10% /năm (tương đương 0,83% /tháng) tính từ ngày 07/9/2019 đến ngày 07/9/2024 (5 năm) là 40.757.000 đồng. Tổng cộng ông L, bà Q phải thanh toán số tiền là 122.271.000 đồng. Tại phiên toà, yêu cầu bị đơn ông L, bà Q trả số tiền là 122.271.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Q vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên toà.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng bị đơn ông L, bà Q trả số tiền mua vật tư còn thiếu là 81.514.000 đồng và phần tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/9/2019 đến ngày 07/9/2024 là 5 năm với số tiền là 40.757.000 đồng, tổng cộng ông L, bà Q phải thanh toán là 122.271.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông L, bà Q không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Xét thấy, sự vắng mặt của ông L, bà Q không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L, bà Q.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Cụ thể Hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu bị đơn vợ chồng ông L, bà Q trả số tiền mua vật tư còn thiếu là 81.514.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 40.757.000 đồng, tổng cộng là 122.271.000 đồng chưa thanh toán.

[3] *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân

dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Đại diện của nguyên đơn do bà D yêu cầu bị đơn vợ chồng ông L, bà Q phải thanh toán số tiền mua bán còn thiếu là 81.514.000 đồng và phần tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/9/2019 đến ngày 07/9/2024 là 5 năm với số tiền lãi là 40.757.000 đồng, tổng cộng 122.271.000 đồng.

Sau khi thụ lý, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn ông L, bà Q nhưng bị đơn không có ý kiến, không tham dự và tại phiên toà bị đơn vắng mặt không có lời trình bày nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn mà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét đánh giá.

Xét thấy tại quyền sở tay mua bán giữa các bên và được các bên bị đơn ông L, bà Q thừa nhận sở tay mua bán có theo dõi tiến trình mua vật tư, khi mua hàng hóa có sự xác nhận của bị đơn ông L ký tên, đồng thời tại biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán giữa H kinh doanh Tân Quang M với bên mua ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Q có chữ ký của ông L xác nhận công nợ còn thiếu là 81.514.000 đồng.

Từ những chứng cứ trên bị đơn vợ chồng ông L, bà Q còn nợ H kinh doanh Tân Quang M số tiền mua vật tư nợ gốc là 81.514.000 đồng chưa thanh toán. Việc bị đơn ông L, bà Q mua vật tư thủy sản nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 430 (*quy định về hợp đồng mua bán tài sản*); Điều 440 (*quy định về nghĩa vụ trả tiền*) của bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông L, bà Q có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 81.514.000 đồng. Đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/9/2019 đến ngày 07/9/2024 theo mức lãi 10%/năm với thời gian là 05 năm với số tiền lãi là 40.757.000 đồng. Xét thấy, lãi suất chậm trả nguyên đơn yêu cầu nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận. Buộc ông L và bà Q có trách nhiệm phải thanh toán số tiền là 122.271.000 đồng (trong đó nợ gốc là 81.514.000 đồng, tiền lãi là 40.757.000 đồng).

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[5] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông L, bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $122.271.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.113.550 \text{ đồng}$ (làm tròn 6.114.000 đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H kinh doanh Tân Quang M về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Q.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Q có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh Tân Quang M tổng số tiền còn thiếu là 122.271.000 đồng (trong đó nợ gốc là 81.514.000 đồng, tiền lãi là 40.757.000 đồng).

Kể từ ngày Hộ kinh doanh Tân Quang M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Q không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

2. Án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.114.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh Tân Quang M (do bà Bùi Thúy D nộp) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.057.000 đồng theo biên lai thu số 0002436 ngày 08/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự ông L, bà Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Phụng